TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/DS-ST
Ngày 14-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Nguyên

2. Bà Huỳnh Thị Thuý Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:*** Ông Kiều Văn Liêu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2022/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2023/QĐST-DS, ngày 23/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty J

Địa chỉ: phường V, Quận X, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T - Tổng Giám đốc của J (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0309985680, đăng ký lần đầu ngày 02/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 12/10/2022 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố H cấp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông A - Giám đốc điều hành cấp cao Bộ phận Thẩm định và Quản lý Công nợ của J (theo Giấy ủy quyền số 23/2022/UQ-J, ngày 12/10/2022).

Người được ủy quyền lại: Ông Trương Quốc B1, sinh năm 1984; Cư trú: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: phường V, Quận X, thành phố H (theo giấy ủy quyền số 02/2023/UQ-LM-J, ngày 09/01/2023). (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Ngọc B, sinh năm 2002

Cư trú: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Trương Quốc B là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/5/2021, bà Lê Ngọc B ký hợp đồng tín dụng số: 57640001778492000 với Công ty J để vay số tiền 29.786.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 3.5080%/tháng, mục đích vay mua xe máy, hình thức tín chấp trả góp hàng tháng với số tiền 1.868.427 đồng (bao gồm: vốn, lãi và phí).

Từ ngày 22/6/2021 đến ngày 13/11/2022 bà B đã thanh toán cho J số tiền là 20.571.181 đồng, sau đó thì không trả nữa dù J đã nhiều lần gọi điện thoại nhắc nhở, cũng như đến nhà yêu cầu. Do bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên J khởi kiện yêu cầu bà Lê Ngọc B phải trả cho J số tiền tạm tính đến ngày 14/4/2023 là 29.620.931 đồng, trong đó: vốn 19.566.079 đồng, lãi 10.054.852 đồng, bao gồm: lãi trong hạn 8.711.920 đồng, lãi quá hạn 1.342.932 đồng. Đồng thời, yêu cầu bà B tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15/4/2023 đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với yêu cầu về các loại phí, theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2022, nguyên đơn có yêu cầu bà B phải thanh toán các loại phí (cụ thể là phí quản lý khoản vay) từ sau ngày 12/11/2022 đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông B là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này.

Ông B1 xác định lý do J giải ngân tiền vay qua tài khoản của cửa hàng liên kết ANGIMEX 3 - Công ty TNHH thương mại dịch vụ ANGIMEX là nhằm thanh toán số tiền bà B mua xe tại cửa hàng liên kết, điều này đã được J, bà B và cửa hàng liên kết thỏa thuận tại bản xác nhận của các bên liên quan đến việc xác lập hợp đồng vay ngày 20/5/2021 và đã thực hiện xong, nên J chỉ yêu cầu bà B có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu cửa hàng liên kết và đề nghị không đưa cửa hàng liên kết vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn bà Lê Ngoc B được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên toà không lý do nên không trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của J, buộc bà Lê Ngọc B phải thanh toán cho J số tiền 29.620.931 đồng, trong đó: vốn 19.566.079 đồng, lãi tạm tính đến ngày 14/4/2023 là 10.054.852 đồng, bao gồm: lãi trong hạn 8.711.920 đồng, lãi quá hạn 1.342.932 đồng; bà B còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15/4/2023 đến khi thanh toán xong số nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Đình chỉ một phần đối với yêu cầu bà B phải trả các loại phí (cụ thể là phí quản lý khoản vay) phát sinh từ sau ngày 12/11/2022 do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Công ty J yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Lê Ngọc B. Bà B cư trú tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Công ty J ủy quyền cho ông Trương Quốc B1 theo giấy ủy quyền số 02/2023/UQ-LM-J, ngày 09/01/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ông Trương Quốc B1 tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo nội dung văn bản ủy quyền.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Ngọc B được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 20/5/2021, bà Lê Ngọc B ký hợp đồng tín dụng số: 57640001778492000 với Công ty J để vay số tiền 29.786.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 3.5080%/tháng, mục đích vay mua xe máy, hình thức tín chấp trả góp hàng tháng với số tiền 1.868.427 đồng (bao gồm: vốn, lãi và phí). Do bà B vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên J yêu cầu bà Bích trả số tiền còn nợ 29.620.931 đồng, trong đó: vốn 19.566.079 đồng, lãi tạm tính đến ngày 14/4/2023 là 10.054.852 đồng, bao gồm: lãi trong hạn 8.711.920 đồng, lãi quá

hạn 1.342.932 đồng. Đồng thời, yêu cầu bà B tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15/4/2023 đến khi thanh toán hết nợ.

Về lãi suất, nhận thấy khi vay tiền giữa bà B và J thỏa thuận lãi suất 3.508%/tháng, thỏa thuận này tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, cụ thể giữa tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất với nhau và khi cho vay J cũng đã niêm yết công khai lãi suất áp dụng tại thời điểm vay, được bà B đồng ý nên có căn cứ chấp nhận đối với lãi suất vay mà các bên thỏa thuận là 3.508%/tháng.

Quá trình giải quyết, bà B vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Bà B không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của J, như vậy bà đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng số 57640001778492000, ngày 20/5/2021 được ký kết giữa bên cho vay Công ty J với bên vay bà Lê Ngọc B, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn và bản xác nhận của các bên liên quan đến việc xác lập hợp đồng vay cùng ngày 20/5/2021 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của J buộc bà B có trách nhiệm trả số tiền tạm tính đến ngày 14/4/2023 là 29.620.931 đồng, trong đó: vốn 19.566.079 đồng, lãi 10.054.852 đồng, bao gồm: lãi trong hạn 8.711.920 đồng, lãi quá hạn 1.342.932 đồng. Bà B còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 15/4/2023 đến khi thanh toán xong số nợ theo hợp đồng đã ký.

Đối với cửa hàng liên kết A - Công ty TNHH thương mại dịch vụ A, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn lý do giải ngân số tiền vay qua tài khoản của cửa hàng liên kết là nhằm thanh toán tiền mua xe của bà B tại cửa hàng và các bên cũng đã thực hiện xong việc chuyển tiền và giao xe theo bản xác nhận của các bên liên quan đến việc xác lập hợp đồng vay cùng ngày 20/5/2021, nguyên đơn xác định không tranh chấp gì với cửa hàng liên kết nên không xem xét. Trường hợp có tranh chấp thì khởi kiện vụ án khác theo quy định pháp luật.

Về việc rút lại yêu cầu buộc bà B phải trả các loại phí (cụ thể là phí quản lý khoản vay) của nguyên đơn, xét thấy việc rút một phần yêu cầu là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bà Lê Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty J được nhận lại 682.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001101, ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của Công ty J đối với bà Lê Ngọc B.

Buộc bà Lê Ngọc B có trách nhiệm trả cho Công ty J số tiền 29.620.931 đồng (hai mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, chín trăm ba mươi mốt đồng), trong đó: vốn 19.566.079 đồng (mười chín triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi chín đồng), lãi tạm tính đến ngày 14/4/2023 là 10.054.852 đồng (mười triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi hai đồng), bao gồm lãi trong hạn 8.711.920 đồng (tám triệu, bảy trăm mười một nghìn, chín trăm hai mươi đồng), lãi quá hạn 1.342.932 đồng (một triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/4/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 57640001778492000, ngày 20/5/2021.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty J về việc yêu cầu bà Lê Ngọc B phải trả các loại phí (cụ thể là phí quản lý khoản vay).

- Về án phí: Bà Lê Ngọc B phải chịu 1.481.000 đồng (một triệu, bốn trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Công ty J được nhận lại 682.000 đồng (bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001101, ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Hà Thị Chiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hà Thị Chiền